

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/03/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		163.767.519.908	144.220.812.480
I. Tiền và tương đương tiền	110	V.1	29.048.687.355	17.810.120.017
1. Tiền	111		29.048.687.355	17.810.120.017
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		132.728.394.835	123.843.803.275
1. Phải thu khách hàng	131		18.440.102.096	18.276.625.872
2. Trả trước cho người bán	132		83.017.484.212	77.990.718.871
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	31.270.808.527	27.576.458.532
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	620.906.820	502.235.940
1. Hàng tồn kho	141		620.906.820	502.235.940
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.369.530.898	2.064.653.248
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.935.822	656.454.396
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.355.595.076	1.408.198.852
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.131.768.772.378	1.867.089.930.760
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.253.880.687	1.193.880.687
4. Các khoản phải thu dài hạn khác	218	V.4	1.253.880.687	1.193.880.687
II. Tài sản cố định	220		795.557.469.255	632.146.847.151
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	4.009.428.516	2.217.717.314
- Nguyên giá	222		7.934.682.397	6.311.354.990
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.925.253.881)	(4.093.637.676)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	382.962.981.742	402.562.869.983
- Nguyên giá	228		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(617.037.018.258)	(597.437.130.017)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	408.585.058.997	227.366.259.854
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	1.240.798.662.031	1.152.155.143.099
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.257.886.229.759	1.171.113.113.027
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	259		(17.087.567.728)	(18.957.969.928)
V. Tài sản dài hạn khác	260		94.158.760.405	81.594.059.823
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	94.158.760.405	81.594.059.823
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.295.536.292.286	2.011.310.743.240

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2009

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.419.191.383.587	1.147.465.102.081
I. Nợ ngắn hạn	310		242.034.849.921	230.449.628.960
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	134.600.000.000	126.612.000.000
2. Phải trả người bán	312		1.962.851.399	3.697.457.624
3. Người mua trả tiền trước	313		163.260.116	100.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		3.042.189.587	10.168.744.499
5. Phải trả người lao động	315		2.834.980.813	4.535.280.654
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	99.431.568.006	85.336.146.183
II. Nợ dài hạn	330		1.177.156.533.666	917.015.473.121
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	1.176.669.347.697	916.553.335.992
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		487.185.969	462.137.129
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		791.637.268.699	783.538.266.159
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	785.024.785.896	781.681.242.470
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	411		400.600.000.000	400.200.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		249.306.900.000	249.306.900.000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(56.146.100.591)	(49.305.577.183)
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		45.690.265.680	39.051.264.287
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		145.573.720.807	142.428.655.366
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.612.482.803	1.857.023.689
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.13	6.612.482.803	1.857.023.689
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		84.707.640.000	80.307.375.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		2.295.536.292.286	2.011.310.743.240

Lê Vũ Hoàng
Tổng Giám đốc
 Ngày 2 tháng 4 năm 2009

Lê Quốc Bình
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2009

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2009	Quý I/2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	44.311.719.217	95.145.417.275
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.311.719.217	95.145.417.275
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	150.896.504	43.428.383.908
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.160.822.713	51.717.033.367
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	36.493.435.431	25.104.058.393
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.338.460.432	6.956.813.053
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.883.511.348</i>	<i>6.880.858.772</i>
8. Chi phí bán hàng	24		24.324.310.651	28.572.131.736
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.931.153.858	2.035.316.384
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.060.333.203	39.256.830.587
11. Thu nhập khác	31		1.239.975.426	187.820.551
12. Chi phí khác	32		11.617.465	10.778.724
13. Lợi nhuận khác	40		1.228.357.961	177.041.827
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.288.691.164	39.433.872.414
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	1.767.891.216	2.259.082.392
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		48.520.799.948	37.174.790.022
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.271	1.025

Lê Vũ Hoàng
Tổng Giám đốc
Ngày 2 tháng 4 năm 2009

Lê Quốc Bình
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp trực tiếp)
Cho quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2009

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý I/2009	Quý I/2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	104.379.366.017	52.528.743.158
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2.269.157.124)	(2.286.563.184)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.720.853.239)	(9.627.616.951)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(12.425.753.535)	(908.428.168)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(6.462.065.645)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	51.748.630.096	14.913.888.603
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(30.153.715.641)	(15.044.803.119)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	98.096.450.929	39.575.220.339
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(196.108.120.359)	(671.528.330)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản khác	22	79.545.455	111.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	21.405.855.988
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(113.300.027.000)	(72.686.650.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	17.391.250.000	45.958.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(28.742.462.984)	13.648.053.162
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(320.679.814.888)	7.765.230.820
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	7.231.980.000	4.050.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho CSH, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(9.251.438.408)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	301.096.011.705	36.250.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(30.362.000.000)	(56.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(34.892.622.000)	(31.821.804.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	233.821.931.297	(47.521.804.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong quý	50	11.238.567.338	(181.352.841)
Tiền và tương đương tiền đầu quý	60	17.810.120.017	15.721.060.513
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối quý	70	29.048.687.355	15.539.707.672

Lê Vũ Hoàng
Tổng Giám đốc
Ngày 2 tháng 4 năm 2009

Lê Quốc Bình
Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000145 ngày 3 tháng 8 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, thay đổi lần thứ 7 ngày 01 tháng 04 năm 2008. Vốn điều lệ của Công ty là 502 tỷ đồng, được chia thành 50,2 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2009 là 289 (năm 2008 là 289).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty mẹ là:

- Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT);
- Nhận quyền sử dụng đất để xây nhà ở, để bán hoặc cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch, xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất;
- Dịch vụ thu phí giao thông;
- Sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng;
- Kinh doanh nhà ở, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính;
- Xây dựng công trình dân dụng; công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước; San lấp mặt bằng;
- Dịch vụ thiết kế, trồng, chăm sóc vườn hoa, cây cảnh, hòn non bộ;
- Kinh doanh nhà vệ sinh công cộng, nhà vệ sinh lưu động, thu gom rác thải (không hoạt động tại trụ sở)
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng và rửa xe ô tô, xe gắn máy; Cung cấp nước sạch;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
- Cho thuê kho bãi.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty con là:

- Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT);
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Đầu tư và xây dựng các công trình kỹ thuật trong lĩnh vực cấp thoát nước và xử lý nước;
- Nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo qui hoạch;
- Xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh nhà ở.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Những nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam.

Cơ sở lập báo cáo tài chính (tiếp)

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12

3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp)

tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính

giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	6 - 10
Phương tiện vận tải	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền thu phí giao thông, nguyên giá là giá trị chuyển nhượng phải trả cho cơ quan chức năng của Nhà nước.

Tài sản cố định vô hình được tính khấu hao theo tỷ lệ bằng 57% doanh thu thực hiện hàng năm. Tỷ lệ 57% này được xác định bằng tỷ số giữa giá trị chuyển nhượng quyền thu phí mà đơn vị phải trả cho Sở Tài chính - Vật giá thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị quyết 34/2005/NQ-HĐND ngày 26/12/2005 của Hội đồng Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII, kỳ họp thứ 6, Hội đồng Nhân dân đã cho phép tính lại thời gian chuyển giao quyền thu phí trên 2 tuyến đường Điện Biên Phủ và Hùng Vương nối dài từ 9 năm lên 12 năm. Do đó, kể từ tháng 12 năm 2005 trở đi tỷ lệ khấu hao tài sản cố định vô hình được tính bằng 47,34% doanh thu thực hiện. Tỷ lệ 47,34 % này được xác định bằng tỷ số giữa giá trị còn lại của giá trị chuyển nhượng quyền thu phí là 650.191.348.743 đồng và tổng doanh thu thu phí (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) ước tính đơn vị sẽ đạt được trong thời gian thu phí còn lại tính từ ngày 01/12/2005 là 1.373.360.611.813 đồng.

Theo biên bản thanh tra thuế tại Công ty CII ngày 23/07/2008 của đoàn thanh tra Chính phủ, căn cứ công văn số 427/2008/CV-CII ngày 12/08/2008 gửi Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc trích lập khấu hao tài sản cố định. Do đó, kể từ ngày 01/01/2006 trở đi số dư khấu hao quyền thu phí giao thông là 643.268.332.072 đồng (giá trị còn lại), thời gian còn lại để tính khấu hao là 32,82 quý. Như vậy, số khấu hao quyền thu phí được trích mỗi quý là 19.599.888.241 đồng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán

Các khoản đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán (tiếp)

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, công cụ, dụng cụ... được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

Dự phòng phải trả

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích lập là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm đầu tư chứng khoán, lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về cổ tức, lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Công ty tại nước ngoài (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ phi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và kết chuyển sang dự phòng chênh lệch tỷ giá của Công ty. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ chấm dứt hoạt động tại nước ngoài của Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để đầu tư và góp vốn vào các dự án Công ty tham gia được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế (tiếp)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. THÔNG TIN TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tiền mặt	878.276.492	776.192.898
Tiền gửi ngân hàng	28.170.410.863	17.033.927.119
Cộng	29.048.687.355	17.810.120.017

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**164 Ký Con, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho quý I năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.2 Các khoản phải thu khác**

	31/03/2009 VND	01/01/2009 VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	30.502.735.978	23.690.214.025
Dự án cầu ngã 5+6 Kiên Giang-Công ty 565	1.305.143.751	1.037.362.501
Dự án cầu Cầu Sông Lũy-Công ty 565	2.332.251.663	2.002.751.486
CBCNV Xí nghiệp Thu phí	61.200.000	78.000.000
Dự án khu Cổ Mễ - Vườn Việt	12.402.016.667	10.710.766.667
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Xây dựng	3.340.000.000	2.192.000.000
Chung cư NBB - Công ty 577	676.666.667	676.666.667
Công ty CP Đầu tư 577	1.721.720.000	
Công ty CP Đầu tư & kinh doanh Thép Nhân Luật	735.000.000	1.656.200.000
Tổng Công ty công trình giao thông 5	1.136.854.167	995.916.667
Thuế TNCN thường xuyên	-	35.591.882
Công ty TNHH Vườn Việt	4.314.239.398	3.940.532.424
Công ty CP cơ khí Điện Lữ Gia	2.347.929.600	255.000.000
Dự án góp vốn chia sản phẩm cao ốc 70 Lữ Gia	20.288.334	
Điện chiếu sáng cầu Bình Triệu 2	101.985.981	101.985.981
Phải thu khác	7.439.750	7.439.750
- BOO Đồng Tâm	768.072.549	3.886.244.507
Cộng	31.270.808.527	27.576.458.532

5.3 Hàng tồn kho

	31/03/2009 VND	01/01/2009 VND
Nguyên liệu. vật liệu	3.012.356	6.185.152
Công cụ. dụng cụ	16.000.000	-
Chi phí sản xuất. kinh doanh dở dang	79.108.511	-
Hàng hoá	522.785.953	496.050.788
Cộng	620.906.820	502.235.940
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Gía trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	620.906.820	502.235.940

5.4 Các khoản phải thu dài hạn khác

	31/03/2009 VND	01/01/2009 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.253.880.687	1.193.880.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.5 Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2009	2.980.067.162	3.057.451.519	273.836.309	6.311.354.990
Mua trong năm	1.997.789.805			1.997.789.805
- Thanh lý, nhượng bán		374.462.398		374.462.398
Tại ngày 31/03/2009	4.977.856.967	2.682.989.121	273.836.309	7.934.682.397
KHẤU HAO				
Tại ngày 1/1/2009	1.893.749.727	2.006.725.789	193.162.160	4.093.637.676
Trích khấu hao trong năm	140.768.784	64.026.309	1.283.510	206.078.603
- Thanh lý, nhượng bán		374.462.398		374.462.398
Tại ngày 31/03/2009	2.034.518.511	1.696.289.700	194.445.670	3.925.253.881
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2009	1.086.317.435	1.050.725.730	80.674.149,00	2.217.717.314
Tại ngày 31/03/2009	2.943.338.456	986.699.421	79.390.639	4.009.428.516

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 617.123.555 đồng.

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Quyền thu phí giao thông VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 1/1/2009	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Mua trong năm		-
- Thanh lý, nhượng bán		-
Tại ngày 31/03/2009	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
KHẤU HAO		
Tại ngày 1/1/2009	597.437.130.017	597.437.130.017
Trích khấu hao trong năm	19.599.888.241	19.599.888.241
- Thanh lý, nhượng bán		-
Tại ngày 31/03/2009	617.037.018.258	617.037.018.258
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2009	402.562.869.983	402.562.869.983
Tại ngày 31/03/2009	382.962.981.742	382.962.981.742

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
+ Dự án mái nhà trạm HN & HV	2.110.246.287	2.110.246.287
+ Dự án 152 Điện Biên Phủ	3.311.337.411	1.080.529.607
+ Dự án khu TĐC Tam tân	235.587.778	215.306.207
+ Dự án khu TĐC Tân An Hội	1.085.918.696	1.085.856.849
+ Dự án BOT Cần Bình Triệu	304.297.772	299.822.845
+ Dự án di dời hạ tầng XLHN	223.470.461	206.434.303
+ Dự án BOT mở rộng XLHN	601.239.702	152.766.460
+ Dự án mở rộng XLHN giai đoạn 1	104.422.469	-
+ Dự án liên tỉnh lộ 25B	599.158.785	-
+ Dự án BOT Cần Rạch Chiếc	2.085.877.962	-
+ Dự án BOT mở rộng tuyến tránh Phan rang Tháp chàm	-	143.602.749
+ Tiền sử dụng đất	22.800.000.000	22.800.000.000
+ Chi phí thuê máy hàn	-	322.905.000
+ Chi phí lắp đặt tuyến ống K120	1.873.200.000	1.873.200.000
+ Chi phí lắp đặt tuyến ống QL50	138.776.020.967	4.545.454.545
+ Chi phí lắp đặt tuyến ống	6.003.449.733	6.003.449.733
+ Chi phí thiết bị ống	203.210.931.699	172.759.917.136
+ Chi phí giám sát thi công	7.261.615.608	6.235.861.149
+ Chi phí lập dự án đầu tư	1.693.658.182	1.693.658.182
+ Chi phí lãi vay NH + Vay chiết khấu	6.244.841.356	-
+ Chi phí lắp đặt tuyến ống QL60	10.032.082.483	-
+ Khác	27.701.646	5.837.248.802
Cộng	408.585.058.997	227.366.259.854

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**164 Ký Con, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho quý I năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 03 năm 2009**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***5.8 Đầu tư dài hạn khác**

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Đầu tư cổ phiếu	184.406.399.000	184.536.128.000
Công ty CP CK TP.HCM	29.906.156.000	29.906.156.000
Công ty CP Đầu tư & PT XD	12.375.000.000	12.375.000.000
NH TMCP Phát triển Nhà TP.HCM	-	16.738.530.000
NH TMCP Việt á	18.921.500.000	18.921.500.000
Công ty CP 565	12.265.140.000	12.265.140.000
Công ty CP 577	40.665.176.000	24.056.375.000
Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia	70.273.427.000	70.273.427.000
- Đầu tư trái phiếu	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty CP Đầu tư & PT XD	50.000.000.000	50.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	1.023.479.830.759	936.576.985.027
Công ty CP 565(DA cầu Sông Lũy)	11.670.000.000	11.670.000.000
Công ty CP 565(DA ngã 5+6 Kiên Giang)	9.500.000.000	9.500.000.000
Dự án 6.5ha KDC P.Bình An. Q2	37.831.906.973	37.831.906.973
Dự án cầu đường Bình Triệu 2	89.799.923.786	97.677.078.054
DA BOT tuyến tránh TP. Biên Hoà	52.500.000.000	6.500.000.000
Dự án 155 Nguyễn Chí Thanh	12.955.000.000	12.955.000.000
DA BOT cầu Đồng nai	9.000.000.000	5.000.000.000
DA khu Cỏ Mễ - Cty Vườn Việt	60.000.000.000	60.000.000.000
DA khu chung cư Hoàng Thành - Cty 577	60.000.000.000	60.000.000.000
DA chung cư NBB - Cty 577	130.000.000.000	110.000.000.000
DA Au cơ Plaza - Cty INVESTCO	30.000.000.000	30.000.000.000
DA Khu công nghệ cao Sài Gòn	15.000.000.000	15.000.000.000
DA HTĐT 70 Lữ Gia	25.000.000.000	25.000.000.000
DA Góp vốn chia sản phẩm cao ốc 70 Lữ Gia	4.700.000.000	-
Công ty CP BOO Nước Thủ Đức (*)	259.659.000.000	259.659.000.000
Công ty CP BOT Cầu Phú Mỹ	2.064.000.000	2.064.000.000
Công ty CP Hoà Phú	24.000.000.000	18.000.000.000
Công ty CP cấp nước Kênh Đông	39.600.000.000	39.600.000.000
Công ty CP PT ĐT SG Tây Bắc	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP ĐT & PTXD Ninh Thuận	12.200.000.000	-
DA Mê Kông-Tiền Giang	5.000.000.000	3.120.000.000
Công ty CP Nhân Luật	28.000.000.000	28.000.000.000
Công ty PETROLAND	85.000.000.000	85.000.000.000
Tổng công ty XDCT GT 5	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	1.257.886.229.759	1.171.113.113.027
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	(17.087.567.728)	(18.957.969.928)
NH TMCP Việt Á	(4.952.296.800)	(4.952.296.800)
Công ty Cổ phần 577	(7.897.258.000)	(10.941.625.000)
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	(4.238.012.928)	(3.064.048.128)
Cộng	(17.087.567.728)	(18.957.969.928)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

(*) Công ty tham gia góp vốn điều lệ Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức (gọi tắt “BOO Thủ Đức”) với số tiền là 259.659.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 51,93% vốn điều lệ của BOO Thủ Đức, tổng vốn điều lệ là 500 tỷ đồng. Thực tế, Công ty chỉ góp 32% vốn điều lệ BOO Thủ Đức, phần còn lại là Công ty TNHH Vườn Việt (gọi tắt “Vườn Việt”) và Công ty DC (gọi tắt “DC”) góp vốn thông qua Công ty. Theo hợp đồng ký với Vườn Việt và DC, sau khi BOO Thủ Đức thông báo sang tên chủ sở hữu cổ phần và sau khi đã thanh toán đủ 100% giá trị hợp đồng và các khoản bồi thường (nếu có) cho Công ty, Công ty phải thực hiện chuyển quyền sở hữu cổ phiếu BOO Thủ Đức. Cho đến ngày 31/03/2009, Công ty chưa thu hết tiền và chưa làm thủ tục chuyển quyền cho chủ sở hữu..

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	93.978.755.587	81.414.055.005
Chi phí trả trước dài hạn trạm Hà Nội	348.298.579	371.731.579
Chi phí trả trước dài hạn trạm Hùng Vương	2.473.751.398	2.586.801.480
Chi phí trả trước dài hạn VP Công ty	90.156.940.326	77.317.966.877
Công ty CP BOO Thủ Đức	31.675.700.429	27.204.482.901
Chi phí phát hành trái phiếu	6.562.500.000	6.875.000.000
Công ty CP BOO nước Đồng Tâm	10.380.671.244	7.772.231.730
Công ty CP cấp nước Kênh Đông	7.989.330.469	7.068.526.183
Chung cư NBB - Công ty 577	10.591.571.164	7.814.978.447
DA chung cư Hoàng Thành- Công ty 577	2.712.510.510	2.330.505.015
Công ty CP Hoà Phú	1.788.824.150	1.341.835.503
Công ty CP ĐT&PT hạ tầng KCNC SG	2.759.011.494	2.377.125.185
Hợp tác đầu tư DA cao ốc 70 Lữ Gia	3.157.535.970	2.750.063.443
Da 6.5ha khu dân cư Bình An. Q2	2.408.363.832	2.408.363.832
Công ty CP Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu Khí	6.631.936.586	5.956.769.918
Các dự án khác	3.498.984.479	3.418.084.720
Chi phí trả trước dài hạn Xí nghiệp thu phí	999.765.284	1.137.555.069
- Công ty Đồng Tâm	180.004.818	180.004.818
Cộng	94.158.760.405	81.594.059.823

5.10 Vay và nợ ngắn hạn

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Amersham Industries Limited	50.000.000.000	50.000.000.000
Cty CP ĐT&PT hạ tầng KCNC SG	15.000.000.000	15.000.000.000
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN_SGD1-TP.HCM	69.600.000.000	61.612.000.000
Cộng	134.600.000.000	126.612.000.000

5.11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	-	3.726.400
- Bảo hiểm xã hội	82.157.206	4.698.136
- Bảo hiểm y tế	2.682.000	1.019.522
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	1.900.000.000
- Doanh thu chưa thực hiện	-	614.250.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	99.346.728.800	82.812.452.125
Cộng	99.431.568.006	85.336.146.183

5.12 Vay và nợ dài hạn

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Vay Ngân hàng	515.065.269.105	252.319.257.400
Ngân hàng TMCP XNK VN	213.583.269.105	110.689.257.400
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	12.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng Hàng Hải	25.000.000.000	16.030.000.000
Ngân hàng Phát triển VN - CN Tiền Giang	264.482.000.000	113.600.000.000
- Trái phiếu phát hành	661.604.078.592	664.234.078.592
Cộng	1.176.669.347.697	916.553.335.992

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 164 Ký Con, Quận 1,
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho quý I năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 03 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.13 Vốn chủ sở hữu

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Tổng cộng
A	1	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	249.306.900.000	1.098.425.081	89.005.249.099	-	34.260.336.456	773.670.910.636
Tăng vốn trong năm trước	200.000.000	-	-	-	-	-	200.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	132.780.027.853	-	-	132.780.027.853
Trích từ lợi nhuận năm trước	-	-	758.598.608	-	-	4.790.927.831	5.549.526.439
Tăng khác	-	-	-	-	(49.305.577.183)	-	(49.305.577.183)
Chia cổ tức năm 2007 và tạm ứng cổ tức 2008	-	-	-	68.014.000.000	-	-	68.014.000.000
Giảm khác	-	-	-	11.342.621.586	-	-	11.342.621.586
- Trích lập quỹ DPTC	-	-	-	4.790.927.831	-	-	4.790.927.831
- Trích lập quỹ KTPL	-	-	-	758.598.608	-	-	758.598.608
- Khác	-	-	-	5.793.095.147	-	-	5.793.095.147
Số dư tại ngày 01/01/2009	400.200.000.000	249.306.900.000	1.857.023.689	142.428.655.366	(49.305.577.183)	39.051.264.287	783.538.266.159
Tăng vốn trong năm nay	400.000.000	-	-	-	-	-	400.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	48.520.799.948	-	-	48.520.799.948
Tăng khác	-	-	-	-	(6.840.523.408)	-	(6.840.523.408)
Trích từ lợi nhuận năm nay	-	-	5.311.201.114	-	-	6.639.001.393	11.950.202.507
Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2008	-	-	-	33.425.532.000	-	-	33.425.532.000
Giảm khác	-	-	555.742.000	11.950.202.507	-	-	12.505.944.507
- Trích lập quỹ DPTC	-	-	-	6.639.001.393	-	-	6.639.001.393
- Trích lập quỹ KTPL	-	-	-	5.311.201.114	-	-	5.311.201.114
Số dư tại ngày 31/03/2009	400.600.000.000	249.306.900.000	6.612.482.803	145.573.720.807	(56.146.100.591)	45.690.265.680	791.637.268.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.13 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

Cổ phiếu

	31/03/2009	01/01/2009
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.200.000	50.200.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	40.060.000	40.020.000
- Cổ phiếu phổ thông	40.060.000	40.020.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu Esop	60.000	20.000

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 31 tháng 03 năm 2009 thông qua chi cổ tức năm 2008 là 16% tương ứng với số tiền là 61.629.636.000 đồng.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 1/2009	Quý 1/2008
	VND	VND
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>44.311.719.217</i>	<i>95.145.417.275</i>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	178.788.167	50.412.511.466
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.132.931.050	44.732.905.809
- Doanh thu hợp đồng xây dựng		
Cộng: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.311.719.217	95.145.417.275
<i>Các khoản giảm trừ:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.311.719.217	95.145.417.275

6.2 Giá vốn hàng bán

	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	150.896.504	43.428.383.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1/2009	Quý 1/2008
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	43.614.241	339.147.378
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.852.587.375	3.689.655.118
Khác	14.597.233.815	21.075.255.897
Cộng	36.493.435.431	25.104.058.393

6.4 Chi phí tài chính

	Quý 1/2009	Quý 1/2008
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.883.511.348	6.880.858.772
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.870.402.200)	-
Khác	325.351.284	75.954.281
Cộng	5.338.460.432	6.956.813.053

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 164 Ký Con, Quận 1,
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho quý I năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 03 năm 2009

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý I/2009 VND		Quý I/2008 VND	
	Thu phí	Đầu tư	Thu phí	Đầu tư
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	19.181.363.048	31.107.328.116	19.080.180.771	20.353.691.643
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:				
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		21.852.587.375		11.031.739.118
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	50.513.540	(2.998.880.540)		
Thu nhập chịu thuế	19.231.876.588	6.255.860.201	19.080.180.771	9.321.952.525
Thuế suất thông thường	10%	25%	10%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.923.187.658	1.563.965.050	1.908.018.077	2.610.146.707
Thuế TNDN được miễn giảm (*)	1.250.071.977	469.189.515	954.009.039	1.305.073.354
Thuế TNDN còn phải nộp	673.115.681	1.094.775.535	954.009.038	1.305.073.354
Tổng cộng thuế TNDN phải nộp	1.767.891.216		2.259.082.392	

(*) Năm 2008, Công ty được miễn giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động đầu tư và hoạt động thu phí. Năm 2009, Công ty được miễn giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động thu phí. Ngoài ra, Quý IV năm 2008 và năm 2009, Công ty được miễn giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động đầu tư và thu phí theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1. Nghiệp vụ và số dư với bên liên quan

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Quý I/2009	Quý I/2008
	VND	VND
Lương	387.871.026	405.784.593
Tiền thưởng	283.478.488	954.238.658
Cộng	671.349.514	1.360.023.251

7.2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra ngày 31 tháng 03 năm 2009, các cổ đông Công ty đã nhất trí:

- Thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2008 là 16% tương ứng với số tiền là 61.629.636.000 đồng.
- Thông qua kế hoạch phát hành thêm 100.000 cổ phần phục vụ chương trình cổ phiếu thưởng cho nhân viên (ESOP) năm 2008, tăng vốn điều lệ từ 502 tỷ lên 503 tỷ đồng.
 - + Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
 - + Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần
 - + Tổng số lượng đăng ký phát hành thêm: 100.000 cổ phần
 - + Đối tượng phát hành: cán bộ quản lý cao cấp, nhân viên giỏi có nhiều đóng góp cho hoạt động của Công ty trong năm 2008.
 - + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phầnQuyền mua cổ phiếu được phân bổ trong 5 năm. Cổ phiếu phát hành không được quyền chuyển nhượng quyền mua. Trường hợp đối tượng có quyền mua bị kỷ luật hoặc tự ý nghỉ việc Công ty sẽ thu hồi quyền mua số cổ phiếu chưa phát hành.

7.3. Số liệu so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Lê Vũ Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 2 tháng 4 năm 2009

Lê Quốc Bình
Kế toán trưởng